TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bản án số: 648/2017/HS-PT	
Ngày 11 - 12 - 2017	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đức Phương;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn;

Bà Mai Thị Tú Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Diệu Thúy - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Trần Ngọc Đảm - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 11 tháng 12 năm 2017, tại Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 107/2017/TLPT-HS ngày 17 tháng 3 năm 2017 đối với bị cáo Trịnh Thị Th về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Do có kháng cáo của bị cáo, người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2017/HSST ngày 11 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Bị cáo có kháng cáo: Trịnh Thị Th, sinh năm 1955. Nơi đăng ký HKTT: Số 02 PHT, phường 10, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng; Chỗ ở hiện nay: Số 18/1 NQ, Phường 6, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Trịnh Đình T (chết) và bà Vũ Thị N (chết); Anh em ruột có 05 người, bị cáo là con thứ ba; Có chồng là Nguyễn Đình Th1 (sinh năm 1953) và 02 con (lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1995); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt ngày 09/05/2016. Bị cáo tại ngoại (Có mặt)

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trịnh Thị Th: Bà Lê Kim X, Luật sư của Văn phòng Luật sư NT, Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng (Có mặt).

Người bị hại kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Số 54 PĐ, phường 1, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị L: Bà Nguyễn Thị Đ, Luật sư của Văn phòng Luật sư ĐL, Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng (Có mặt).

(Trong vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo nên Tòa án không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng và Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, hành vi phạm tội của bị cáo tóm tắt như sau:

Từ năm 2006, Trịnh Thị Th thuê mặt bằng của Trung tâm Quản lý nhà đất thành phố ĐL để bán hàng điện tử tại số 02 TCĐ, Phường 1, thành phố ĐL. Đến tháng 03/2007, do làm ăn bị thua lỗ nên Th đã chuyển cho người khác thuê lại mặt bằng. Ngoài ra, Th còn vay tiền của nhiều người khác. Tài sản của Th là nhà và đất tại số 02 PHT, Phường 10, thành phố ĐL đã chuyển nhượng cho bà Lê Thị D ở thị trấn DL, huyện DL để cấn trừ tiền vay 01 tỷ đồng. Bản thân Th không còn khả năng hoàn trả số tiền đã vay.

Để có tiền trả cho các khoản vay trước và tiêu xài cá nhân nên Th đã vay tiền của bà Nguyễn Thị L. Thời gian đầu, Th trả đầy đủ tiền gốc và lãi. Đến tháng 4/2008, Th nói với bà L vay tiền để đáo hạn tại Ngân hàng Công thương-Chi nhánh tỉnh Lâm Đồng. Do tin tưởng nên bà L đã đồng ý cho Th vay 2.920.000.000 đồng và Th viết giấy mượn tiền đề ngày 08/4/2008, thể hiện mục đích vay để đáo hạn tại Ngân hàng Công thương-Chi nhánh tỉnh Lâm Đồng và hẹn trả vào ngày 11/4/2008, gồm cả tiền gốc và lãi. Sau khi vay được tiền, Th không sử dụng để đáo hạn ngân hàng như đã cam kết mà dùng để trả cho những người mà Th đã nợ tiền trước đó và tiêu xài cá nhân.

Đến ngày 11/4/2008, khi bà L đòi tiền thì Th lấy lý do ngân hàng chưa giải ngân. Ngày 18/04/2008, Th nhờ người (không rõ tên, địa chỉ) viết 01 giấy biên nhận nợ đề ngày 18/4/2008, có nội dung: Th cho bà Trần Thị Kim D1 vay số tiền 3.650.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, từ ngày 08/4/2008 đến ngày 18/4/2008. Do ngân hàng đang ngưng cho vay nên D1 chưa thanh toán cho Th, hẹn trong tháng 6/2008 sẽ trả. Th đã đưa giấy này cho bà L nên bà L tin tưởng việc Th cho bà D1 vay tiền đáo hạn ngân hàng là có thật. Ngày 12/5/2008, Th viết giấy cam kết đưa cho bà L thể hiện số tiền vay của bà L đã đưa cho bà D1 làm việc tại Ngân hàng Công thương-Chi nhánh tỉnh Lâm đồng làm dịch vụ đáo hạn cho khách hàng và cam kết trong tháng 6/2008 khi bà D1 trả tiền, Th sẽ trả đầy đủ cho bà L. Đến hẹn, Th không trả và khoảng đầu năm 2010 thì Th bỏ trốn khỏi địa phương (đến tỉnh Bình Dương và Thành phố Hồ Chí Minh), cắt đứt liên lạc với bà L.

Quá trình điều tra Th thừa nhận không cho ai tên Trần Thị Kim D1 vay tiền. Th cho rằng số tiền 2.920.000.000 đồng vay của bà L ngày 08/4/2008, gồm có tiền lãi là 360.000.000 đồng nhưng Th không cung cấp được chứng cứ chứng minh trong khi đó, bà L cho rằng số tiền trên không bao gồm tiền lãi.

Tại Kết luận giám định số 1244/GĐ-PC54 ngày 14/6/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng đã xác định: Chữ viết, chữ ký mang tên Trịnh Thị Th tại hợp đồng mượn tiền đề ngày 08/4/2008 và giấy cam kết đề ngày 12/5/2008 là chữ viết, chữ ký của Trịnh Thị Th.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 03/2017/HSST ngày 11 tháng 01 năm 2017 của Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã quyết định:

Tuyên bố Trịnh Thị Th phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự, xử phạt Trịnh Thị Th 07 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 09/5/2016 đến ngày 27/10/2016.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị L không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 2.620.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 23/01/2017, bị cáo Th kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 20/01/2017, người bị hại, bà Nguyễn Thị L kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Th và yêu cầu bị cáo Th có trách nhiệm trả nợ gốc còn lại là 2.620.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Th rút toàn bộ kháng cáo. Người bị hại, bà L trình bày: Trước đây, gia đình bị cáo Th đã trả cho bà 300.000.000 đồng. Số tiền còn lại 2.620.000.000 đồng thì bị cáo Th và bà L thỏa thuận bị cáo Th sẽ nhường quyền kinh doanh ki ốt do Th thuê của Trung tâm Quản lý nhà đất thành phố ĐL nên bà L không yêu cầu bị cáo Th trả 2.620.000.000 đồng, đã được ghi nhận trong bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Th không thực hiện như đã cam kết nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Th trả 2.620.000.000 đồng và tăng hình phạt đối với bị cáo Th.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lộc trình bày: Bị cáo Th có hoàn cảnh gia đình khó khăn, hiện mắc một số bệnh. Việc bị cáo Th thỏa thuận chuyển nhượng ki ốt cho bà L là có thật nhưng việc không sang tên được là do khách quan vì bị cáo Th không có quyền, chứ bị cáo Th không có ý định lừa bà L. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của bà L trình bày: Bị cáo Th đã có hành vi lừa đảo dẫn tới bà L lâm vào tình trạng phá sản, phải đi thuê nhà ở. Quá trình điều tra, bị cáo Th đã thỏa thuận giao ki ốt đang thuê cho bà L nhưng sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không thực hiện. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà L.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Việc rút toàn bộ kháng cáo là sự tự nguyện nên cần áp dụng Điều 238 Bộ luật Tố tụng hình sự để đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Th. Đối với kháng cáo của bà L, bị cáo Th đồng ý giao cho bà L ki ốt đang thuê nhưng không thực hiện nên cần buộc bị cáo Th phải trả cho bà L 2.620.000.000 đồng. Về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ khi lượng hình là đúng nhưng hình phạt 7 năm tù là chưa tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi chiếm đoạt 2.920.000.000 đồng của bà L nên cần tăng hình phạt đối với bị cáo Th.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 238 Bộ luật Tố tụng hình sự để đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Th và áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bà L, buộc bị cáo Th bồi thường 2.620.000.000 đồng và tăng hình phạt đối với bị cáo Th từ 8 đến 10 năm tù.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ và ý kiến của Kiểm sát viên, Luật sư.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Bị cáo Trịnh Thị Th và người bị hại, bà Nguyễn Thị L kháng cáo đúng quy định tại các Điều 231, 233, 234 Bộ luật Tố tụng hình sự nên vụ án được xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

Đối với kháng cáo của bị cáo Trịnh Thị Th, thấy rằng: Tại phiên tòa, bị cáo Th rút toàn bộ kháng cáo. Đây là sự tự nguyện của bị cáo nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 238 Bộ luật Tố tụng hình sự để đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Th.

Đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, thấy rằng: Tại cấp sơ thẩm, bà L không yêu cầu bị cáo Th phải trả 2.620.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của bà L, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã ghi nhận sự tự nguyện trên của bà L trong bản án sơ thẩm là đúng. Tại phiên tòa, bà L cũng xác định Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận việc bà tự nguyện không đòi bị cáo Th 2.620.000.000 đồng là đúng. Việc bị cáo Th thỏa thuận giao ki ốt đang thuê cho bà L không được ghi nhận tại bản án sơ thẩm. Như vậy, theo quy định pháp luật thì Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của bà L về việc không đòi bị cáo Th trả 2.620.000.000 đồng có hiệu lực kể từ ngày bản án sơ thẩm được ban hành. Vì vậy, kháng cáo của bà L buộc bị cáo Th trả số tiền trên là không có căn cứ.

Về kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo: Bản án sơ thẩm và tại phiên tòa, bị cáo Th xác nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt 2.920.000.000 đồng của bà L. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và xử phạt 7 năm tù là chưa tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà L, ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, sửa một phần bản án về hình phạt đối với bị cáo Th.

Do bị cáo Th rút kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bà L không phải chịu án phí hình sự. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 238; điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Trịnh Thị Th.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị L về tăng hình phạt đối với bị cáo Trịnh Thị Th. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L về yêu cầu bị cáo Trịnh Thị Th bồi thường 2.620.000.000 đồng.

3. Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 03/2017/HSST ngày 11/01/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng về phần hình phạt.

4. Tuyên bố bị cáo Trịnh Thị Th phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt Trịnh Thị Th 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 09/5/2016 đến ngày 27/10/2016.

5. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị L không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 2.620.000.000 đồng.

6. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trịnh Thị Th và bà Nguyễn Thị L không phải chịu.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 11 tháng 12 năm 2017)./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Công an tỉnh Lâm Đồng;
- BCTN (1);
- NBH (1);
- Lưu VP(3), HS (2). 14b (Án38)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Đức Phương